

未成年子女權利義務行使負擔歸屬意願表

中 文	<p>您有未成年子女，離婚後未成年子女權利義務行使負擔願意歸</p> <p><input type="checkbox"/>父 <input type="checkbox"/>母 <input type="checkbox"/>共同任之</p>
英 文	<p>If you have minors, who will be responsible for the executing or exercising of rights and obligations for them after your divorce:</p> <p><input type="checkbox"/>Father <input type="checkbox"/>Mother <input type="checkbox"/>Mutual responsibility</p>
越 南 文	<p>Bạn có con vị thành niên , sau khi ly hôn , quyền và nghĩa vụ trông nom , chăm sóc , giáo dục , nuôi dưỡng , đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ về mọi mặt của con vị thành niên do</p> <p><input type="checkbox"/>Bố <input type="checkbox"/>Mẹ <input type="checkbox"/>Cả bố lẫn mẹ trực tiếp đảm trách nhiệm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của con vị thành niên .</p>
印 尼 文	<p>Setelah bercerai, siapakah yg harus bertanggung jawab untuk melaksanakan hak dan kewajiban anak anda yg belum dewasa</p> <p><input type="checkbox"/>Ayah <input type="checkbox"/>Ibu <input type="checkbox"/>Sama-sama</p>
泰 文	<p>หลังจากที่คุณหย่าร้างกันแล้ว ผู้ที่มีความประสงค์ในการรับภาระหน้าที่และสิทธิเลี้ยงดูและบุตรที่ยังไม่บรรลุนิติภาวะต้อง</p> <p><input type="checkbox"/>ฝ่ายบิดา <input type="checkbox"/>ฝ่ายมารดา <input type="checkbox"/>ห้างสองฝ่าย</p>
柬 埔 寨 文	<p>ប្រសិនបើលោកអ្នកមានកុនមិនទាន់ពេញវីរីយ ក្រោយពីលោកលើងត្រា ចំពោះសិទ្ធិនិងភាពកិច្ច របស់កុនដែលមិនពេញវីរីយ អ្នកបាល់ព្រមទទួលខុសត្រូវដោយ</p> <p><input type="checkbox"/>ឱ្យពុក <input type="checkbox"/>ម្នាយ <input type="checkbox"/>ឱ្យពុកនិងម្នាយរួមគ្នា</p>